

Bản án số: 233/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

2. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

-Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **TỪ PHÁT Đ**, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện Gi, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Chị **NGUYỄN THỊ CẨM T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 0, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 06/8/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn anh Từ Phát Đ trình bày:

Do quen biết nên anh và chị T tổ chức lễ cưới vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường xuyên tranh cãi gây mất tình cảm và đã chính thức ly thân luôn từ đó đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Con chung có hai cháu tên Từ Thế V, sinh ngày 22/01/2004; Từ Thế H, sinh ngày 06/12/2009 hiện đang sống với anh Đ. Nay anh yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc anh Đ khởi kiện như trên nhưng chị T vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Cẩm T vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, anh Đ trình bày do quen biết nên anh và chị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi làm cuộc sống vợ chồng mất tình cảm, không còn hạnh phúc và đã chính thức ly thân luôn từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, sau khi cưới anh chị chỉ sống hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay mà cũng không sắp xếp được cuộc sống gia đình ổn thỏa. Đồng thời, quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị T để đảm bảo quyền nêu ý kiến của chị nhưng chị T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Đ. Hơn nữa, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 2000 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh Đ và chị T không được công nhận là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Có hai cháu tên Từ Thế V, sinh ngày 22/01/2004; Từ Thế H, sinh ngày 06/12/2009, hiện đang sống với anh Đ. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho anh Đ nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với anh từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Đồng thời, sau khi Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị T thì chị vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của anh Đ. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng việc nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Tại Tòa, anh Đ không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Theo anh Đ trình bày là không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Từ Phát Đ và chị Nguyễn Thị Cẩm T là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Từ Thế V, sinh ngày 22/01/2004; Từ Thế H, sinh ngày 06/12/2009 cho anh Đ nuôi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không có yêu cầu.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Anh Từ Phát Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09122 ngày 13/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM